



## Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân năm 2025

Trần Thị Thu Hương<sup>1</sup>, Ngô Thị Việt Khanh<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Lê<sup>1</sup>, Lê Thanh Hà<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Mai<sup>3</sup>  
<sup>1</sup>Đại học Duy Tân; <sup>2</sup>Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; <sup>3</sup>Bệnh viện Phục hồi chức năng Đà Nẵng

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân năm 2025 và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 215 sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân. Thang đo Nursing Clinical Self-Efficacy Scale (NCSES) được sử dụng để đánh giá sự tự tin của sinh viên điều dưỡng trong thực hành kỹ năng lâm sàng. **Kết quả:** 76,3% sinh viên có mức độ tự tin trung bình và 23,7% có mức tự tin cao. Một số yếu tố liên quan đến mức độ tự tin gồm: tuổi, thành tích học tập, số lượng cơ sở y tế đã thực tập và cơ sở y tế đang thực tập, sự yêu thích ngành điều dưỡng, tần suất hướng dẫn của giảng viên, nhận thức khi có giảng viên và tần suất hỗ trợ của điều dưỡng ( $p < 0,05$ ). **Kết luận:** Phần lớn sinh viên điều dưỡng có mức độ tự tin trung bình trong thực hành kỹ năng lâm sàng. Việc tăng cường sự hỗ trợ từ giảng viên, điều dưỡng khoa phòng và tạo môi trường học tập tích cực là điều cần thiết để cải thiện, nâng cao sự tự tin cho sinh viên điều dưỡng.

**Từ khóa:** Tự tin, kỹ năng lâm sàng, thực hành lâm sàng, sinh viên điều dưỡng.

### Self-efficacy in clinical skills practice among nursing students at Duy Tan University

Tran Thi Thu Huong<sup>1</sup>, Ngo Thi Viet Khanh<sup>1</sup>, Nguyen Thi Le<sup>1</sup>, Le Thanh Ha<sup>2</sup>, Nguyen Thi Mai<sup>3</sup>  
<sup>1</sup>Duy Tan University; <sup>2</sup>108 Military Central Hospital; <sup>3</sup>Da Nang Rehabilitation Hospital

### ABSTRACT

**Objectives:** To describe the self-efficacy in clinical skill practice among nursing students at Duy Tan university in 2025 and identify related factors. **Method:** A cross-sectional study was conducted among 215 nursing students of Duy Tan University. The Nursing Clinical Self-Efficacy Scale (NCSES) was used to assess the self-efficacy of nursing students in clinical practice skills. **Results:** 76.3% of students had moderate confidence, and 23.7% had high confidence. Some factors related to self-efficacy include age, academic year, academic performance, clinical internship location, the number of medical facilities where students have practiced, preference for studying nursing, companionship and support from lecturers and nurses, and students' perceptions of teachers' presence in the clinical area ( $p < 0.05$ ). **Conclusion:** Most nursing students demonstrated moderate self-efficacy in clinical skill performance. Enhancing support from clinical instructors, nurses, along with fostering a positive clinical learning environment, is essential to improving self-efficacy among nursing students.

**Keywords:** Self-efficacy, clinical skills, clinical practice, nursing students.

## **DẶT VẤN ĐỀ**

Thực hành lâm sàng là một phần cốt lõi, quan trọng trong chương trình đào tạo các ngành Y khoa, đặc biệt đối với các ngành nghề mang tính chất ứng dụng cao như điều dưỡng. Thực hành lâm sàng giúp cho sinh viên củng cố lại kiến thức, phát triển kỹ năng chuyên môn và giúp cho sinh viên phát huy tối đa năng lực tự chủ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân<sup>1</sup>.

Theo Oetker và cộng sự (2014) kỹ năng lâm sàng không chỉ bao gồm các thao tác kỹ thuật mà còn đòi hỏi cả khả năng ra quyết định và kỹ năng giao tiếp ứng xử hiệu quả<sup>2</sup>, do đó giai đoạn này đòi hỏi sinh viên phải có khả năng thích nghi tốt để có thể đối mặt với các thách thức trong môi trường bệnh viện. Trong bối cảnh đó, sự tự tin vào năng lực thực hiện các kỹ năng chăm sóc người bệnh không chỉ thúc đẩy hành động, mà đôi khi còn là điều kiện cần để một điều dưỡng có thể bắt đầu thực hiện nhiệm vụ<sup>3</sup>.

Một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy sinh viên điều dưỡng có mức độ tự tin trung bình trong thực hành kỹ năng lâm sàng và sự tự tin là khác nhau giữa các kỹ năng<sup>4,5</sup>. Tại Việt Nam, mức độ tự tin của sinh viên vẫn chưa cao như nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền (2019) cho thấy chỉ có 14,2% sinh viên đạt mức tự tin cao và nghiên cứu của Trần Thị Mỹ và cộng sự (2023) cho thấy 38,5% sinh viên có mức tự tin cao trong thực hành kỹ năng lâm sàng<sup>6,7</sup>.

Để đảm bảo được chất lượng chăm sóc người bệnh trong quá trình thực hành lâm sàng và nâng cao hiệu quả học tập, việc phát triển sự tự tin của sinh viên điều dưỡng trong thực hành kỹ năng lâm sàng là rất quan

trọng. Chính vì những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: *Mô tả sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân năm 2025 và xác định một số yếu tố liên quan.*

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **Đối tượng nghiên cứu**

*Tiêu chuẩn lựa chọn:*

Sinh viên Điều dưỡng Đại học Duy Tân năm thứ 3 và năm thứ 4 đã đi thực tập lâm sàng và đồng ý tham gia nghiên cứu.

*Tiêu chuẩn loại trừ:*

Sinh viên vắng mặt trong thời gian thực hiện nghiên cứu.

### **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:**

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Duy Tân từ tháng 12/2024 đến tháng 4/2025.

### **Thiết kế nghiên cứu:**

Mô tả cắt ngang.

**Mẫu nghiên cứu:** 215 sinh viên.

### **Chọn mẫu:**

Sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ bao gồm tất cả sinh viên điều dưỡng từ năm thứ 3 đến năm thứ 4 đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ. Tổng số sinh viên năm 3 và năm 4 là 237 sinh viên, trong đó có 20 sinh viên được đưa vào nghiên cứu thử nghiệm và có 2 sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu, vì vậy cỡ mẫu cuối cùng là 215 sinh viên.

**Bộ công cụ:** Bộ câu hỏi trong nghiên cứu gồm 2 phần:

- Phần 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu bao gồm 12 câu hỏi về giới tính, tuổi, dân tộc, năm học, thành tích học tập, cơ sở y tế đang thực tập, cơ sở y tế đã thực tập, sự yêu thích ngành điều dưỡng, tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên, cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên, tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng khoa phòng và cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng khoa phòng.

- Phần 2: Thang đo đánh giá mức độ tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng NCSES (Nursing Clinical Self-Efficacy Scale): Bộ công cụ được tác giả Abdal và cộng sự phát triển vào năm 2015 bao gồm 30 câu hỏi, người tham gia sẽ nhận được điểm từ 1 đến 10 cho mỗi kỹ năng: điểm từ 1 - 2 được đánh giá là tự tin thấp, 3 - 8 là tự tin trung bình và 9 - 10 là tự tin cao. Phạm vi điểm có thể cho thang điểm là 30 - 300. Độ tin cậy trong nghiên cứu thí điểm của tác giả Abdal và cộng sự là 0,95<sup>4</sup>. Bộ công cụ này đã được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo phương pháp dịch ngược và được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha trên 20 sinh viên điều dưỡng, đạt giá trị 0,977. Để đánh giá mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng, việc phân loại mức độ tự tin dựa trên nghiên cứu của tác giả Trần Thị Mỹ và cộng sự (2025), mức độ tự tin được chia thành ba nhóm: tự tin thấp (< 2,5), tự tin trung bình (từ 2,5 đến < 8,5) và tự tin cao ( $\geq 8,5$ )<sup>7</sup>.

#### **Phương pháp thu thập dữ liệu:**

Phương pháp là phát vấn: Sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn để thu thập các thông tin.

Nghiên cứu được thực hiện tại Đại học Duy Tân. Nhà nghiên cứu đã tiếp cận sinh viên trong quá trình học tập tại Trường và giải thích mục tiêu nghiên cứu. Trước đó, những người tham gia đã được thông báo về mục tiêu và tiến trình nghiên cứu, các câu hỏi của họ đã được nhà nghiên cứu trả lời. Những sinh viên đáp ứng tiêu chí sẵn sàng tham gia nghiên cứu được yêu cầu điền vào bộ công cụ dưới sự giám sát của nhà nghiên cứu. Thời gian trả lời khảo sát khoảng 15 phút.

#### **Phương pháp xử lý dữ liệu:**

Phần mềm SPSS 16.0 được sử dụng để phân tích dữ liệu. Dữ liệu nhân khẩu học, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn của sự tự tin được phân tích bằng số liệu thống kê mô tả. Phân tích T-test, ANOVA được sử dụng để kiểm tra mối liên quan giữa các biến với sự tự tin của sinh viên. Kết quả được đánh giá trong khoảng tin cậy 95% và  $p < 0,05$  được coi là có ý nghĩa thống kê.

#### **Đạo đức nghiên cứu:**

Nghiên cứu được tiến hành sau khi được sự cho phép của Đại học Duy Tân. Các sinh viên tham gia nghiên cứu được cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, nội dung của nghiên cứu, được cung cấp thông tin về quyền được dừng lại khi tham gia nghiên cứu và quyết định của họ không ảnh hưởng đến việc học tập. Nhà nghiên cứu cam kết việc giữ bí mật thông tin và danh tính của người tham gia. Nghiên cứu không gây hại cho người tham gia và kết quả chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu.

#### **KẾT QUẢ**

**Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 215)**

	<b>Đặc điểm</b>	<b>n</b>	<b>%</b>
Giới tính	Nam	17	7,9
	Nữ	198	92,1
Tuổi	20	27	12,6
	21	95	44,2
	22	85	39,5
	23	8	3,7
Dân tộc	Kinh	211	98,1
	Khác	4	1,9
Năm học	Năm 3	112	52,1
	Năm 4	103	47,9
Thành tích học tập	Xuất sắc (GPA 3,68 – 4,00)	3	1,4
	Giỏi (GPA 3,34 – 3,67)	30	14,0
	Khá (GPA 2,68 – 3,33)	165	76,7
	Trung bình (GPA 2,00 – 2,67)	13	6,0
	Yếu (GPA < 2,00)	4	1,9
Cơ sở y tế đang thực tập	Bệnh viện Đà Nẵng	72	33,5
	Bệnh viện C	56	26,0
	Bệnh viện Phụ sản – Nhi	41	19,1
	Bệnh viện Quân Y 17	22	10,2
	Trung tâm Y tế quận Hải Châu	12	5,6
	Trung tâm Y tế quận Sơn Trà	6	2,8
	Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu	6	2,8
Số lượng cơ sở y tế đã đi thực tập	3	47	21,9
	4	81	37,7
	5	76	35,3
	6	11	5,1

	<b>Đặc điểm</b>	<b>n</b>	<b>%</b>
Sự yêu thích ngành điều dưỡng	Có	160	74,4
	Không	55	25,6
Tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên	Thường xuyên	183	85,1
	Thỉnh thoảng	32	14,9
Cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên	Tự tin	95	44,2
	Bình thường	100	46,5
	Căng thẳng	20	9,3
Tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng khoa phòng	Thường xuyên	136	63,3
	Thỉnh thoảng	72	33,5
	Hiếm khi	7	3,2
Cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng khoa phòng	Tự tin	90	41,9
	Bình thường	114	53,0
	Căng thẳng	11	5,1

Trong 215 sinh viên tham gia nghiên cứu, phần lớn là sinh viên nữ (92,1%). Đa số sinh viên có học lực khá 76,7%. Sinh viên tham gia thực tập chủ yếu ở bệnh viện Đà Nẵng (33,5%) và bệnh viện C (26,0%). Tỷ lệ sinh viên cảm thấy yêu thích với ngành điều dưỡng chiếm 74,4%. Khi nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên và điều dưỡng, phần lớn sinh viên cảm thấy tự tin lần lượt là 44,2% và 41,9%.

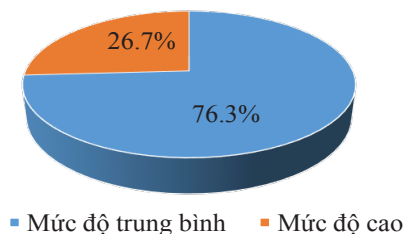
**Bảng 2. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng (n = 215)**

<b>Nội Dung</b>	<b>Mức độ tự tin</b>		
	<b>Tự tin thấp</b>	<b>Tự tin trung bình</b>	<b>Tự tin cao</b>
Thực hiện kỹ thuật đo điện tim cho người bệnh	5 (2,3%)	123 (57,2%)	87 (40,5%)
Thực hiện kỹ thuật tiêm thuốc theo y lệnh	0 (0)	104 (48,4%)	111 (51,6%)
Thực hiện kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn cho người bệnh	0 (0)	81 (37,7%)	134 (62,3%)
Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc đúng giờ và theo dõi tác dụng của thuốc trên người bệnh	0 (0)	95 (44,2%)	120 (55,8%)

Nội Dung	Mức độ tự tin		
	Tự tin thấp	Tự tin trung bình	Tự tin cao
Thực hiện kỹ thuật vệ sinh và nhỏ thuốc nhỏ mắt, tai hoặc mũi cho người bệnh	0 (0)	127 (59,1%)	88 (40,9%)
Thực hiện kỹ thuật thay băng, rửa vết thương đúng quy trình	1 (0,5%)	126 (58,6%)	88 (40,9%)
Xây dựng mối quan hệ tin cậy với người bệnh để họ an tâm chia sẻ khi gặp khó khăn và nhận được sự hỗ trợ kịp thời	0 (0)	116 (54,0%)	99 (46,0%)
Chủ động kết nối và phối hợp với điều dưỡng viên cùng điều dưỡng trưởng khoa để học hỏi và nâng cao hiệu quả thực tập lâm sàng	1 (0,5%)	113 (52,5%)	101 (47,0%)
Thực hiện kỹ thuật cắt chỉ vết thương cho người bệnh	10 (4,7%)	135 (62,8%)	70 (32,5%)
Giải thích về phương pháp điều trị và chăm sóc cho người bệnh và người nhà	7 (3,3%)	136 (63,3%)	72 (33,4%)
Hướng dẫn và giúp đỡ người bệnh bất kỳ thủ tục hành chính nào trong quá trình điều trị tại viện	3 (1,4%)	125 (58,1%)	87 (40,5%)
Chuẩn bị và thực hiện kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch cho người bệnh	0 (0)	93 (43,3%)	122 (56,7%)
Chủ động theo dõi các dấu hiệu bình thường và bất thường của người bệnh để báo cáo kịp thời cho bác sĩ điều trị	0 (0)	114 (53,0%)	101 (47,0%)
Phụ giúp bác sĩ đặt Catheter tĩnh mạch trung tâm và theo dõi, chăm sóc người bệnh đặt Catheter	14 (6,5%)	166 (77,2%)	35 (16,3%)
Thích nghi/ đối phó với sự thay đổi môi trường mới sau khi chuyển khoa thực tập lâm sàng	3 (1,4%)	124 (57,7%)	88 (40,9%)
Thực hiện kỹ thuật tiêm thuốc hoặc vaccine an toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ em	10 (4,7%)	137 (63,7%)	68 (31,6%)
Hướng dẫn các tư thế nghỉ ngơi, trị liệu thông thường phù hợp với người bệnh để hỗ trợ quá trình điều trị	1 (0,5%)	133 (61,9%)	81 (37,6%)
Thực hiện kỹ thuật liệu pháp hô hấp: Tập thở, tập ho có hiệu quả, vỗ rung lồng ngực...	3 (1,4%)	152 (70,7%)	60 (27,9%)
Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật tự tiêm Insulin	2 (0,9%)	126 (58,6%)	87 (40,5%)
Thực hiện liệu pháp oxy	0 (0)	142 (66,0%)	73 (34,0%)

Nội Dung	Mức độ tự tin		
	Tự tin thấp	Tự tin trung bình	Tự tin cao
Xác định các vấn đề chăm sóc của người bệnh và thực hiện các can thiệp điều dưỡng phù hợp	1 (0,5%)	139 (64,7%)	75 (34,8%)
Thực hiện kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	1 (0,5%)	95 (44,2%)	119 (55,3%)
Thực hiện quy trình kỹ thuật đúng nguyên tắc vô khuẩn để đảm bảo an toàn cho người bệnh	1 (0,5%)	107 (49,75%)	107 (49,75%)
Thực hiện kỹ thuật đặt ống sonde tiêu cho người bệnh	5 (2,3%)	146 (67,9%)	64 (29,8%)
Hỗ trợ bác sĩ nẹp chi/ bó bột chi cho người bệnh	7 (3,3%)	170 (79,1%)	38 (17,6%)
Phụ giúp hoặc thực hiện kỹ thuật hồi sức tim phổi	13 (6,0%)	155 (72,1%)	47 (21,9%)
Động viên, an ủi và hỗ trợ chăm sóc tinh thần giúp người bệnh yên tâm trong quá trình điều trị	0 (0)	114 (53,0%)	101 (47,0%)
Thực hiện kỹ thuật thắt tháo hoặc đặt thuốc hậu môn cho người bệnh	4 (2,0%)	152 (70,7%)	59 (27,4%)
Chăm sóc người bệnh trong giai đoạn hấp hối và sau tử vong	21 (9,8%)	172 (80,0%)	22 (10,2%)
Chăm sóc người bệnh hậu phẫu	2 (0,9%)	137 (63,7%)	76 (35,4%)

Sinh viên điều dưỡng có sự tự tin cao nhất khi thực hiện kỹ đo dấu hiệu sinh tồn (62,3%), sau đó là tự tin về kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch cho người bệnh (56,7%). Ngược lại, kỹ năng có mức độ tự tin thấp nhất là Chăm sóc người bệnh trong giai đoạn hấp hối và sau tử vong (10,2%), phụ giúp bác sĩ đặt Catheter tĩnh mạch trung tâm (16,3%), kỹ thuật hồi sức tim phổi (21,9%).



**Biểu đồ 1. Mức độ tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng (n = 215)**

Trong 215 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, có 76,3% sinh viên có mức tự tin trung bình, bên cạnh đó có 26,7% sinh viên có mức độ tự tin cao.

**Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng (n = 215)**

	<b>Đặc điểm</b>	<b>Mean ± SD</b>	<b>t/F</b>	<b>p</b>
Giới tính	Nam	7,61 ± 1,21	t = -0,760	0,448
	Nữ	7,80 ± 0,93		
Tuổi	20 <sup>①</sup>	7,42 ± 1,17	F = 3,882	0,011 ① ② < ③ ④
	21 <sup>②</sup>	7,67 ± 0,92		
	22 <sup>③</sup>	7,98 ± 0,88		
	23 <sup>④</sup>	8,28 ± 0,75		
Dân tộc	Kinh	7,79 ± 0,94	t = 1,166	0,245
	Khác	7,23 ± 1,04		
Năm học	Năm 3	7,59 ± 0,99	t = -3,233	0,001
	Năm 4	7,99 ± 0,85		
Thành tích học tập	Xuất sắc (GPA 3,68 – 4,00) <sup>①</sup>	9,27 ± 0,50	F = 15,521	0,000 ① ② > ③ > ④ > ⑤
	Giỏi (GPA 3,34 – 3,67) <sup>②</sup>	8,29 ± 0,72		
	Khá (GPA 2,68 – 3,33) <sup>③</sup>	7,78 ± 0,84		
	Trung bình (GPA 2,00 – 2,67) <sup>④</sup>	7,01 ± 0,92		
	Yếu (GPA < 2,00) <sup>⑤</sup>	5,43 ± 1,68		
Cơ sở y tế đang thực tập	Bệnh viện Đà Nẵng <sup>①</sup>	8,06 ± 0,80	F = 3,205	0,005 ① ② > ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦
	Bệnh viện C <sup>②</sup>	7,86 ± 0,96		
	Bệnh viện Phụ sản – Nhi <sup>③</sup>	7,64 ± 0,91		
	Bệnh viện Quân Y C17 <sup>④</sup>	7,46 ± 1,15		
	TTYT quận Hải Châu <sup>⑤</sup>	7,38 ± 0,82		
	TTYT quận Sơn Trà <sup>⑥</sup>	7,55 ± 0,91		
	TTYT quận Liên Chiểu <sup>⑦</sup>	6,88 ± 1,31		

	Đặc điểm	Mean ± SD	t/F	p
Số lượng Cơ sở y tế đã thực tập	3 <sup>①</sup>	7,34 ± 0,96	F = 8,333	0,000 ①②<③④
	4 <sup>②</sup>	7,69 ± 1,00		
	5 <sup>③</sup>	8,06 ± 0,76		
	6 <sup>④</sup>	8,46 ± 0,86		
Sự yêu thích ngành điều dưỡng	Có	7,92 ± 0,88	t = 3,287	0,001
	Không	7,40 ± 1,05		
Tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên	Thường xuyên	7,93 ± 0,87	t = 33,490	0,000
	Thỉnh thoảng	6,95 ± 0,95		
Cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên	Tự tin <sup>①</sup>	8,00 ± 0,87	F = 5,822	0,003 ①>②③
	Bình thường <sup>②</sup>	7,68 ± 0,94		
	Căng thẳng <sup>③</sup>	7,30 ± 1,13		
Tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng	Thường xuyên <sup>①</sup>	7,90 ± 0,90	F = 7,250	0,001 ①②>③
	Thỉnh thoảng <sup>②</sup>	7,67 ± 1,00		
	Hiếm khi <sup>③</sup>	6,62 ± 0,49		
Cảm nhận về sự hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng	Tự tin	7,86 ± 1,00	F = 0,628	0,542
	Bình thường	7,76 ± 0,82		
	Căng thẳng	7,40 ± 1,62		

Các yếu tố liên quan đến sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng bao gồm tuổi, năm học, thành tích học tập, cơ sở y tế đang thực tập, số lượng cơ sở y tế đã thực tập, sự yêu thích ngành điều dưỡng, tần suất hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên, cảm nhận về sự hỗ trợ hướng dẫn của giảng viên và tần suất hỗ trợ của điều dưỡng khoa phòng ( $p < 0,05$ ). Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa sự tự tin và các đặc điểm khác của đối tượng nghiên cứu.

## BÀN LUẬN

**Sự tự tin của sinh viên điều dưỡng trong thực hành kỹ năng lâm sàng:** Nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng

có mức độ tự tin khác nhau khi thực hành các kỹ năng lâm sàng. Cụ thể, sinh viên cảm thấy tự tin nhất với các kỹ năng như đo dấu hiệu sinh tồn (62,3%), sau đó là tự tin về kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch cho người

bệnh (56,7%). Ngược lại, sinh viên có sự tự tin thấp đối với những kỹ năng chăm sóc người bệnh trong giai đoạn hấp hối và sau tử vong (10,2%), phụ giúp bác sĩ đặt Catheter tĩnh mạch trung tâm (16,3%) và hồi sức tim phổi (21,9%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự (2023), sinh viên có sự tự tin cao nhất trong kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn (79,7%) và kỹ thuật tiêm thuốc cho người bệnh (63,5%)<sup>8</sup>. Một nghiên cứu khác của tác giả Abdal và cộng sự (2015) cũng cho thấy sinh viên có sự tự tin cao nhất đối với kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn (73,2%) và tiêm thuốc cho người bệnh (70,2%), sinh viên cũng có mức độ tự tin thấp nhất ở kỹ năng chăm sóc người bệnh trong giai đoạn hấp hối và sau tử vong (10,5%)<sup>4</sup>. Đối với các kỹ năng cơ bản mà sinh viên đã được học và thực hành nhiều trong các học phần và từ những đợt thực tập lâm sàng đầu tiên thì sinh viên có nhiều cơ hội để lặp lại, củng cố và phát triển sự tự tin vào năng lực thực hành của bản thân<sup>9</sup>. Đối với các kỹ năng khó và đòi hỏi chuyên môn cao, mang tính chất cấp cứu hoặc xâm lấn có thể gây tâm lý lo lắng, sợ mắc lỗi và sinh viên chưa thật sự tự tin khi thực hiện<sup>9,10</sup>.

Phần lớn sinh viên có mức độ tự tin trung bình trong thực hành kỹ năng lâm sàng (76,3%), bên cạnh đó có 23,7% sinh viên có sự tự tin cao. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền (2019) tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và Trần Thị Mỹ và cộng sự tại Đà Nẵng (2023) khi cho thấy phần lớn sinh viên có mức độ tự tin trung bình<sup>6,7</sup>.

Nhìn chung, kết quả từ những nghiên cứu hiện tại và trước đó cho thấy sinh viên điều dưỡng thường có mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở mức độ trung

bình, tỉ lệ sinh viên có mức độ tự tin cao chưa thật sự chiếm ưu thế nhưng kết quả nghiên cứu không ghi nhận sinh viên nào có sự tự tin thấp là một tín hiệu tích cực.

#### **Các yếu tố liên quan đến sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng:**

Nghiên cứu cho thấy một số yếu tố có mối liên quan giữa độ tuổi của sinh viên ( $p = 0,011$ ) và năm học ( $p = 0,001$ ) với sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Mỹ và cộng sự (2023) cũng ghi nhận rằng sinh viên có học kỳ cao hơn và tuổi lớn hơn thường có mức độ tự tin cao hơn<sup>7</sup>. Nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2015) cũng cho thấy sự tự tin vào năng lực bản thân có xu hướng gia tăng theo học kỳ và độ tuổi ( $p = 0,000$ ), nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm cá nhân và sự phát triển kỹ năng qua từng giai đoạn học tập<sup>11</sup>. Sự tích lũy kinh nghiệm lâm sàng, sự phát triển nhận thức và khả năng thích nghi với môi trường lâm sàng theo thời gian sẽ góp phần nâng cao sự tự tin vào năng lực của sinh viên điều dưỡng<sup>11</sup>.

Thành tích học tập là yếu tố có sự ảnh hưởng rõ rệt đến sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng: sinh viên có học lực xuất sắc ( $9,27 \pm 0,50$ ) và giỏi ( $8,29 \pm 0,72$ ) có điểm trung bình tự tin cao hơn so với nhóm có học lực yếu ( $5,43 \pm 1,68$ ). Nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự (2023) cũng có kết quả tương đồng về thành tích học tập có liên quan đến sự tự tin của sinh viên điều dưỡng ( $p = 0,01$ ), nhóm sinh viên có học lực tốt hơn có sự tự tin cao hơn<sup>8</sup>. Thành tích học tập tốt có thể giúp sinh viên điều dưỡng tự tin vào năng lực bản thân trong việc vận dụng các kiến thức lý thuyết và kỹ năng đã được học vào

thực tế, bởi lẽ một nền tảng học thuật vững chắc sẽ là tiền đề cho sự tự tin của sinh viên trong môi trường thực hành lâm sàng <sup>11</sup>.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có sự yêu thích với ngành học có điểm tự tin trung bình ( $7,92 \pm 0,88$ ) cao hơn so với nhóm không có sự yêu thích với ngành học ( $7,40 \pm 1,05$ ), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,001$ . Nghiên cứu của Abdal và cộng sự (2015) cũng cho thấy sinh viên có sự yêu thích ngành điều dưỡng có điểm tự tin trung bình ( $231 \pm 34$ ) cao hơn so với nhóm có sự yêu thích ngành học thấp ( $193,6 \pm 33,4$ ) với  $p = 0,041$  <sup>4</sup>. Sự yêu thích và đam mê với ngành học không chỉ là cảm xúc nhất thời mà còn là động lực và sức mạnh nội tại thúc đẩy tinh thần học tập, tăng cường sự chủ động và khả năng tự tin vào năng lực bản thân khi thực hành các kỹ năng lâm sàng <sup>4</sup>.

Nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sự tự tin đối với số lượng cơ sở y tế đã thực tập ( $p = 0,000$ ) và cơ sở y tế đang thực tập ( $p = 0,005$ ). Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Ibrahim và cộng sự (2019) khi cho thấy sinh viên có mức độ hài lòng cao hơn với môi trường học lâm sàng thì cũng có xu hướng cảm thấy tự tin hơn vào năng lực trong thực hành kỹ năng lâm sàng ( $p < 0,001$ ) <sup>12</sup>. Môi trường thực tập không đơn thuần là một địa điểm học tập, nơi sinh viên được ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình niềm tin vào năng lực bản thân cho sinh viên điều dưỡng. Việc được tham gia vào môi trường thực tế có yêu cầu cao sẽ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng, tăng cường va chạm thực tiễn và từng bước củng

cố sự tự tin trong thực hành các kỹ năng lâm sàng.

Sự hỗ trợ và giảng dạy tích cực từ giảng viên và điều dưỡng tại các cơ sở y tế được sinh viên đánh giá là “rất hữu ích” và có mối liên quan mật thiết với sự tự tin của sinh viên trong môi trường thực hành lâm sàng <sup>13</sup>. Nghiên cứu cho thấy sinh viên nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn thường xuyên của giảng viên có điểm tự tin trung bình cao hơn nhóm nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn với tần suất thỉnh thoảng ( $p = 0,000$ ). Tương tự, sinh viên nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn từ điều dưỡng lâm sàng thường xuyên có điểm trung bình cao hơn nhóm hiếm khi nhận được sự hỗ trợ ( $p = 0,001$ ). Bên cạnh đó, sinh viên cảm thấy tự tin khi có sự hỗ trợ của giảng viên hướng dẫn trong quá trình thực hành lâm sàng có điểm trung bình cao hơn so với các nhóm còn lại ( $p = 0,003$ ). Kết quả nghiên cứu của Trần Thị Mỹ và cộng sự (2023) cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sự đồng hành, hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng với sự tự tin của sinh viên ( $p < 0,05$ ), cảm nhận của sinh viên đối với sự hướng dẫn của giảng viên cũng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,000$ ) <sup>7</sup>. Nghiên cứu của Abdal và cộng sự (2015) cũng nhấn mạnh vai trò của người hướng dẫn trong môi trường lâm sàng, chính nhờ sự hỗ trợ và đồng hành từ giảng viên và điều dưỡng giúp sinh viên cảm thấy tự tin hơn khi tiếp xúc thực tế với người bệnh <sup>4</sup>. Việc xây dựng một môi trường thực tập tích cực, nơi sinh viên được hướng dẫn về chuyên môn cũng được hỗ trợ về mặt tâm lý là yếu tố then chốt để phát triển sự tự tin vào năng lực bản thân và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên điều dưỡng <sup>12</sup>.

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa cảm nhận của sinh viên khi có sự hỗ trợ và hướng dẫn của điều dưỡng viên với sự tự tin của sinh viên điều dưỡng. Nghiên cứu của Trần Thị Mỹ và cộng sự (2023) cho thấy sự xuất hiện của điều dưỡng lâm sàng có mối liên quan đến sự tự tin của sinh viên ( $p = 0,001$ )<sup>7</sup> và tác giả Vũ Thị Thu Hà và cộng sự (2023) cũng chỉ ra mối liên quan giữa yếu tố hướng dẫn, động viên của giảng viên và điều dưỡng khoa phòng với sự tự tin của sinh viên điều dưỡng ( $p < 0,05$ )<sup>8</sup>. Sự khác biệt này có thể được lý giải do có sự khác nhau về phương pháp xử lý số liệu, cũng như khác nhau về điều kiện văn hoá, kinh tế và môi trường đào tạo giữa các khu vực nghiên cứu.

**HẠN CHẾ:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang nên chưa đánh giá được sự thay đổi mức độ tự tin của sinh viên theo từng giai đoạn thực tập khác nhau. Nghiên cứu chỉ giới hạn ở sinh viên năm 3 và năm 4 vì vậy kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ mức độ tự tin của sinh viên ở những năm học khác.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sự tự tin của sinh viên trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở mức độ trung bình (76,3%). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự tự tin của sinh viên và tuổi, thành tích học tập, số lượng cơ sở y tế đã thực tập và cơ sở y tế đang thực tập, sự yêu thích ngành điều dưỡng, tần suất hướng dẫn của giảng viên, nhận thức khi có giảng viên và tần suất hỗ trợ của điều dưỡng khoa phòng ( $p < 0,05$ ).

**KHUYẾN NGHỊ:** Nhà trường tăng cường cho sinh viên thực hành xử trí tình huống tại trung tâm mô phỏng để sinh viên

chuẩn bị tốt kiến thức trước khi thực tập lâm sàng; phối hợp chặt chẽ với cơ sở y tế để sinh viên được hướng dẫn và thực hành trong môi trường phù hợp; tăng cường cho sinh viên có cơ hội thực tập tại các cơ sở y tế lớn, có nhiều quy trình, kỹ thuật đa dạng. Giảng viên hướng dẫn tăng cường hỗ trợ và đồng hành với sinh viên trong quá trình thực tập.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Thị Phụng, Trần Thị Thuận. Sự chuẩn bị tâm lý của sinh viên Điều dưỡng trong việc tham gia thực hành lâm sàng. Tạp Chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Số đặc biệt (2022):393-400.

2. Oetker-Black SL, Kreye J, Underwood S, Price A, DeMetro N. Psychometric evaluation of the clinical skills self-efficacy scale. Nursing education perspectives. 2014;35(4):253-6. doi: 10.5480/11-739.1.

3. Stump GS, Husman J, Brem SK. The Nursing Student Self-Efficacy Scale: development using item response theory. Nursing research. 2012;61(3):149-58. doi: 10.1097/NNR.0b013e318253a750.

4. Abdal M, Masoudi Alavi N, Adib-Hajbaghery M. Clinical Self-Efficacy in Senior Nursing Students: A Mixed-Methods Study. Nurs Midwifery Stud. 2015;4(3):e29143. doi: 10.17795/nmsjournal29143.

5. Albagawi B, Mahmoud Hussein F, Alotaibi JS, Albougami AS, Amer MF, Alsharari AF, et al. Self-efficacy and clinical competence of fourth-year nursing students: A self-reported study. International journal of Advanced Applied Sciences. 2019;6(8):65-70. DOI:10.21833/ijaas.2019.08.009.

6. Nguyễn Ngọc Huyền. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại Bệnh viện trung ương Thái Nguyên năm 2019. *TNU Journal of Science and Technology*. 2020;225(01):47-52.
7. Tran Thi My, Le Thi Thanh Hoa, Nguyen Nhat Vu Long, Vo Thi Thuy Trang, Lai Thi Ha, Hoang Thi Hien, et al. Factors related to self efficacy in the clinical skills practice among undergraduate nursing students in Da Nang city. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2025;8(01):6-16. DOI: 10.54436/jns.2025.01.882
8. Vũ Thị Thu Hà, Vũ Văn Đầu, Vũ Thị Thu Hường, Nguyễn Thảo Trúc Chi, Hoàng Minh Phương, Đặng Thị Thanh Thủy và cộng sự. Mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên năm 2023. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2023;6(05):55-63. DOI: 10.54436/jns.2023.05.715.
9. Han A, Cho DS, Won J. A study on learning experiences and self-confidence of core nursing skills in nursing practicum among final year nursing students. *Journal of Korean Academy of Fundamentals of Nursing*. 2014;21(2):162-73. DOI:10.7739/jkafn.2014.21.2.162.
10. Gemuhay HM, Kalolo A, Mirisho R, Chipwaza B, Nyangena E. Factors affecting performance in clinical practice among preservice diploma nursing students in Northern Tanzania. *Nursing Research and Practice*. 2019;2019(1):3453085. doi: 10.1155/2019/3453085.
11. Zhang Z-J, Zhang C-L, Zhang X-G, Liu X-M, Zhang H, Wang J, et al. Relationship between self-efficacy beliefs and achievement motivation in student nurses. *Chinese Nursing Research*. 2015;2(2-3):67-70. <https://doi.org/10.1016/j.cnre.2015.06.001>.
12. Ibrahim AF, Abdelaziz TM, Akel DT. The relationship between undergraduate nursing students' satisfaction about clinical learning environment and their competency self-efficacy. *Journal of Nursing Education and Practice*. 2019;9(11):92. DOI:10.5430/jnep.v9n11p92.
13. Mohamed H, Ahmed NG. Clinical Instructor Teaching Behavior: Its Effect on Student Nurse Self-Efficacy. *International Egyptian Journal of Nursing Sciences and Research*. 2022;2(2):70-80.